

Bản án số: 32/2019/DS-ST

Ngày: 12/6/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Nguyễn Phương Tích

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị L1, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ph1, xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Chị Hồ Thị Kim L2, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2019, biên bản hòa giải ngày 07/5/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hồ Thị L1 trình bày:

Nguyên vào ngày 05/3/2016 âm lịch chị có làm chủ dây hui 1.000.000đ (một triệu đồng), gồm 23 phần, trong đó chị Hồ Thị Kim L2 tham gia chơi 02 phần. Sau khi tham gia thì vào ngày 05/3/2016 chị L2 hốt một lần 02 phần, mỗi tháng khui một lần, loại hui có lãi và chị đã giao tiền hui cho chị L2 số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng). Sau khi hốt hui thì chị L2 chỉ góp lại hui chết cho chị được 01 tháng với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), còn lại 21 phần nhưng chị L2 chưa góp lại hui chết cho chị với số tiền 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng), hiện nay dây hui đã mãn năm 2018. Chị đã yêu

cầu chị L2 trả nợ hội nhiều lần nhưng chị L2 không trả nên chị đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã P nhờ giải quyết. Đến khi Ủy ban nhân dân xã P hòa giải thì chị L2 có trả cho chị được số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) nên hiện nay chị L2 còn thiếu chị số tiền hội là 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng). Chị L2 hốt hội của chị để sử dụng vào mục đích gì thì chị không biết, việc chị L2 chơi hội với chị thì chồng chị L2 là anh Trần Văn T cũng biết vì chị thường vô nhà đòi tiền hội có mặt anh T và hiện nay chị L2 và anh T cũng còn sống chung làm kinh tế chung. Nay chị yêu cầu chị Hồ Thị Kim L2 và anh Trần Văn T liên đới trả cho chị số tiền hội còn thiếu là 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng). Chị tự nguyện cho chị L2, anh T mỗi tháng trả 1.000.000đ (một triệu đồng) vào ngày 12 của tháng đến khi hết số nợ 41.000.000đ. Thời gian bắt đầu trả nợ là ngày 12/7/2019. Nếu chị L2, anh T không thực hiện đúng thì chị yêu cầu phải trả một lần số tiền hội 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng). Chị không yêu cầu tính lãi kể cả trong giai đoạn thi hành án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2019, biên bản hòa giải ngày 07/5/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Hồ Thị Kim L2 trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của chị Hồ Thị L1 về việc tham gia góp hội với chị L1 về loại hội, dây hội, thời gian giao kết và hiện nay dây hội cũng đã mất. Chị cũng đồng ý hiện nay chị còn thiếu lại chị L1 số tiền hội là 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng). Chị hốt hội này để lo cho con vì con trai chị thiếu nợ nên chị dấu anh T để hốt hội của chị L1. Sau này anh T cũng biết việc chị chơi hội với chị L1 nhưng anh T không biết chị thiếu nợ hội bao nhiêu. Hiện nay chị và anh T vẫn còn sống chung làm kinh tế chung bình thường. Nay chị L1 yêu cầu chị trả số tiền nợ hội 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng) thì chị cũng đồng ý nhưng chị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian trả bắt đầu vào ngày 12/7/2019.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử, thành viên Hội đồng xét xử là những người có tên trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử thể hiện được sự vô tư khách quan khi xét xử. Do đó, vụ án đưa ra xét xử là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị L1 về việc yêu cầu chị Hồ Thị Kim L2 và anh Trần Văn T phải trả số tiền nợ hội 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng).

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các

chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị L1 về việc yêu cầu chị Hồ Thị Kim L1 và anh Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L1 số tiền nợ hội còn thiếu 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị L2 và chị L1 đều thống nhất có việc tham gia góp dây hội 1.000.000đ, dây hội có 23 phần và mỗi tháng góp một lần, chị L2 tham gia 02 phần và hót hội vào ngày 05/3/2016, loại hội có lãi, hiện nay dây hội đã mãn. Sau khi hót hội, chị L2 đã vi phạm việc góp lại hội chết hàng tháng cho chị L1 mỗi tháng 2.000.000đ và vi phạm 21 tháng nên sau khi dây hội mãn vào năm 2018 thì chị L2 còn thiếu lại chị L1 số tiền nợ hội 42.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã P thì chị L2 có trả cho chị L1 số tiền 1.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L2 vẫn thừa nhận hiện nay còn thiếu lại chị L1 số tiền hội chưa trả là 41.000.000đ và đồng ý trả cho chị L1 số tiền nợ hội còn thiếu nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ đến khi hết số tiền hội 41.000.000đ. Việc chị L2 hót hội của chị L1 để sử dụng vào mục đích chung của chị L2 và anh Trần Văn T. Đồng thời, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 28/3/2019 của Tòa án thì chị L2 và anh T cưới nhau cách nay hơn 20 năm và hiện nay vẫn còn sống chung làm kinh tế chung nên số tiền nợ hội phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị L2 và anh T nên yêu cầu khởi kiện của chị L1 là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L1 đồng ý cho chị L2 và anh Trần Văn T L2 đới trả số tiền hội 41.000.000đ bằng hình thức trả dần mỗi tháng trả 1.000.000đ vào ngày 12 của tháng đến khi hết số nợ. Thời gian trả được tính từ ngày 12/7/2019. Trường hợp chị L2 anh T không thực hiện đúng việc trả dần mỗi tháng thì chị không cho trả dần nữa mà phải trả cho chị một lần đới với số nợ 41.000.000đ. Việc xin trả dần số nợ hội mỗi tháng 1.000.000đ của chị L2 được chị L1 đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị L1. Trường hợp chị Hồ Thị Kim L2 và anh Trần Văn T không thanh toán tiền đúng theo thời gian đã thỏa thuận nêu trên thì chị Hồ Thị L1 được quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền bà L2 và anh T có nghĩa vụ thanh toán kể cả các khoản tiền chưa tới hạn thanh toán theo thỏa thuận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (41.000.000đ x 5%): 2.050.000đ (hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của chị L1 được chấp nhận nên chị L2 và anh T phải liên đới nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị L1. Buộc chị Hồ Thị Kim L2 và anh Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L1 số tiền hui còn thiếu là 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng). Thời gian trả nợ được ấn định cụ thể như sau:

- Ngày 12/7/2019 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/8/2019 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/9/2019 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/10/2019 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/11/2019 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/12/2019 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/01/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/02/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/3/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/4/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/5/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/6/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/7/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/8/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/9/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/10/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/11/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/12/2020 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/01/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/02/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/3/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/4/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/5/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/6/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/7/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/8/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/9/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/10/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/11/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/12/2021 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/01/2022 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);

- Ngày 12/02/2022 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/3/2022 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/4/2022 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/5/2022 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/6/2022 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/7/2022 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/8/2022 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/9/2022 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/10/2022 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- Ngày 12/11/2022 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

Trường hợp chị Hồ Thị Kim L2 và anh Trần Văn T không thanh toán tiền đúng theo thời gian đã thỏa thuận nêu trên thì chị Hồ Thị L1 được quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền bà L2 và anh T có nghĩa vụ thanh toán, kể cả các khoản tiền chưa tới hạn thanh toán theo thỏa thuận.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (41.000.000đ x 5%): 2.050.000đ (hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Buộc chị Hồ Thị Kim L2 và anh Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới nộp.

Hoàn trả cho chị Hồ Thị L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001817 ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Hồ Thị L1, chị Hồ Thị Kim L2 biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Chí Vũ

